

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Hồ Hữu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1155/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: 1480/22 đường X, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: 1480/22 đường X, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-12-2020 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND Phường 9, thành phố Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 1480/22 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu. Thời gian đầu hai bên không xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề. Cả hai đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hiện nay vợ chồng vẫn chung sống tại địa chỉ 1480/22 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu nhưng không còn tình cảm, không còn chia sẻ trong cuộc sống. Bản thân nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hà A, sinh ngày 03-6-2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn – anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tham gia buổi hòa giải, phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện anh Phạm Văn T về việc “Ly hôn”, bị đơn – anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì thấy: bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân

sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 01-12-2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của chị H: Từ năm 2020, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng do cả hai không còn tình cảm với nhau, trong cuộc sống không còn sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên không thể đoàn tụ được.

Qua xác minh tại địa phương ghi nhận: Địa phương có biết về việc chị H làm thủ tục ly hôn anh T tại Tòa án nhưng không biết mâu thuẫn giữa chị H và anh T như thế nào. Qua hỏi thăm nắm tình hình thì chỉ nghe anh T nói chị H là người khó tính, anh T mua sắm gì cũng ý kiến chê trách. Chị H làm nghề buôn bán, thường đi sớm về trễ nên không có điều kiện gặp nói chuyện với chị H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn cương quyết được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị H và anh T giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả vì anh T không tới Tòa án làm việc. Qua đó, có thể khẳng định anh T bỏ mặc hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn quý trọng nhau, không chăm sóc lẫn nhau, mạch ai nấy sống. Nhận thấy, khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị H và anh T là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Phạm Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 01 con chung tên Phạm Hà A, sinh ngày 03-6-2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có yêu cầu liên quan đến vấn đề con chung. Cháu Phạm Hà A có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho chị Phạm Thị H nuôi là phù hợp.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Phạm Hà A, sinh ngày 03-6-2011. Nay giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007511 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, chị H đã nộp xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND Phường 9, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên toà**

Đặng Song Hoàn

Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Văn Kiên